

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BẢN
TỈNH LÀO CAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27-6-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Trọng T
2. Ông Lê Duy Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Ngọc Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị L - Sinh năm: 1998.

Nơi ĐKKH: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai; *Nơi ở:* Thôn U, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn K - Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn T, xã Tân Thượng, huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 28/3/2025 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Đặng Thị L trình bày:

Chị và anh Triệu Văn K chung sống như vợ chồng từ tháng 8/2014, tuy nhiên từ đó đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, do kinh tế gia đình không ổn định, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm nên cuộc sống không hoà thuận, hạnh phúc. Năm 2022, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị L đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay không

quan tâm đến nhau. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K, tuy nhiên anh K không đến Toà án làm việc. Toà án đã tiến hành xác M tại địa phương, xác định anh K vẫn đăng ký hộ khẩu tại xã Tân Thượng, huyện Văn Bàn, anh đi làm tại các huyện trong tỉnh Lào Cai, thỉnh thoảng mới về nhà. Tại địa phương anh K sống cùng bố đẻ và con trai là cháu Triệu Văn T. Anh K liên hệ với Toà án qua điện thoại, anh xác nhận biết việc chị L đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn nhưng anh đi làm không về được, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Toà án đã làm việc với bố đẻ anh K và gia đình cũng đã thông tin cho anh K biết việc Toà án giải quyết ly hôn, bố đẻ anh K đã nhận các văn bản tố tụng của Toà án và xác nhận đã giao lại cho anh K.

Về con chung: Chị L trình bày, quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Triệu Văn T - Sinh ngày: 02/6/2015 và cháu Triệu Văn M – Sinh ngày: 09/9/2016, hiện tại hai cháu phát triển bình thường. Chị L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Triệu Văn M và để anh K nuôi dưỡng cháu Triệu Văn T, chị L không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L không yêu cầu chia tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật: về thủ tục Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ và giải quyết trong thời hạn luật định.

Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định chị L và anh K chung sống như vợ chồng, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 51, 53, 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị L và anh Triệu Văn K.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị L và anh K có 02 con chung là cháu Triệu Văn T - Sinh ngày: 02/6/2015 và cháu Triệu Văn M – Sinh ngày: 09/9/2016. Chị L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu M, để anh K nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Triệu Văn M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu Triệu Văn T cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Đề nghị tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai các tài liệu, chứng cứ nhưng không hoà giải được vụ án vì vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị L khởi kiện xin ly hôn với anh Triệu Văn K và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi ly hôn. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại xã Tân Thượng, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K chung sống như vợ chồng nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị L đã có đơn được địa phương xác nhận về việc không đăng ký kết hôn với anh K. Vì vậy có đủ căn cứ xác nhận các đương sự chung sống như vợ chồng từ năm 2014 và không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Bị đơn đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên toà, lần thứ hai bị đơn vắng mặt không có lý do nên cần xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mâu thuẫn của các đương sự đã được địa phương xác nhận là đúng sự thật, vì vậy việc chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K là có căn cứ. Do các đương sự không đăng ký kết hôn nên cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị L và anh Triệu Văn K theo quy định tại Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa các đương sự chấm dứt từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị L và anh K có 02 con chung là cháu Triệu Văn T - Sinh ngày: 02/6/2015 và cháu Triệu Văn M – Sinh ngày: 09/9/2016. Chị L có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu M, để anh K nuôi dưỡng cháu T cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác M tại địa phương, xác định cháu T đang ở cùng anh K và ông nội tại thôn Thùng 1, xã Tân Thượng, huyện Văn Bàn, anh K chỉ đi làm trong tỉnh Lào Cai vẫn về nhà thăm nom cháu T. Chị L cũng xác nhận, cháu T ở cùng anh K từ khi anh chị ly thân cho đến nay, chị cũng nhất trí để anh K nuôi dưỡng cháu T và thuận tiện cho việc học tập.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mức thu nhập được địa phương xác nhận đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung. Toà án đã hỏi ý kiến, cháu T có nguyện vọng ở với anh K, cháu M có nguyện vọng ở với chị L. Vì vậy cần giao cháu Triệu Văn T cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Triệu Văn M cho chị L trực tiếp nuôi

dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, xác nhận không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị L và anh Triệu Văn K.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị L và anh Triệu Văn K chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao cháu Triệu Văn T - Sinh ngày: 02/6/2015 cho anh Triệu Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Triệu Văn M – Sinh ngày: 09/9/2016 cho chị Triệu Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; Anh Triệu Văn K và chị Đặng Thị L đều không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Triệu Văn K và chị Đặng Thị L đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 000003557915 ngày 01/4/2025 nộp qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Biên L số 0004244 thu từ lệnh thanh toán đến ngày 02/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai). Chị Đặng Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Văn Bàn (2);
- THADS huyện Văn Bàn;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Văn Bàn (2);
- THADS huyện Văn Bàn;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lng L

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lng L

